

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

| | |
|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| 1.1 Tên học phần (tiếng Việt): | Pháp luật về đấu thầu |
| 1.2 Tên học phần (Tiếng Anh): | Law on bidding |
| 1.3 Trình độ đào tạo: | Đại học |
| 1.4 Định hướng đào tạo: | ứng dụng |
| 1.5 Mã học phần: | 011347 |
| 1.6 Số tín chỉ: | 2 |
| 1.7 Thuộc khối kiến thức: | Kiến thức chuyên ngành |
| 1.8 Phân bổ thời gian (số giờ): | |
| - Lý thuyết: | 15 tiết |
| - Nghiên cứu tình huống và thảo luận: | |
| - Thực hành: + Thực hành tích hợp: + Thực hành PM, MP, DN: | 15 tiết |
| - Tự học: | 70 tiết |
| 1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: | Bộ môn Luật, Khoa Kinh tế - Luật |
| 1.10 Điều kiện tham gia học phần: | |
| - Điều kiện tiên quyết: | Lý luận chung Nhà nước và pháp luật |
| - Học phần học trước: | Luật Thương mại 1, 2 |
| - Học phần song hành: | Các học phần kiến thức chuyên ngành |

2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Pháp luật về đấu thầu là môn khoa học nghiên cứu quan hệ pháp lý của nhà nước và hoạt động thương mại của thương nhân trong lĩnh vực đấu thầu. Môn học này được trình bày với các nội dung chính như sau: i) Những vấn đề lí luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu. ii) Pháp luật Việt Nam về đấu thầu.

3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần này, sinh viên giải thích được kiến thức pháp lý cơ bản về đấu thầu, phân tích được quy định pháp luật cụ thể về những lĩnh vực cụ thể của thương mại. Đồng thời, môn học giúp cho sinh viên nâng cao khả năng phân tích, đánh giá và vận dụng để giải quyết các tình huống cụ thể có liên quan trong lĩnh vực đấu thầu, cụ thể sau:

- Kiến thức: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về đấu thầu và pháp luật Việt Nam về hoạt động đấu thầu sử dụng vốn nhà nước như hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp; Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu; Hợp đồng với nhà thầu... Đồng thời, học phần cung cấp kiến thức pháp lý phân biệt hoạt động đấu thầu sử dụng vốn nhà nước với hoạt động đấu thầu hàng hóa, dịch vụ trong thương mại.

- Kỹ năng: Học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp thông tin, văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về đấu thầu. Bên cạnh đó, sinh viên được luyện tập kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá các quy phạm pháp luật về hoạt động đấu thầu tại Việt Nam và việc vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý về đấu thầu phát sinh trong thực tiễn.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học phần Pháp luật về đấu thầu góp phần hình thành sự tự tin của sinh viên về kiến thức pháp lý và kỹ năng liên quan đến hoạt động đấu thầu và ý thức tự học tập nâng cao kiến thức pháp lý về đấu thầu.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:

| Ký hiệu | Nội dung |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CLO1 | Giải thích được các kiến thức tổng quan về đấu thầu. |
| CLO2 | Xác định được các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động đấu thầu. |
| CLO3 | Trình bày được các quy phạm pháp luật về đấu thầu. |
| CLO4 | Phân tích được các quy phạm pháp luật về đấu thầu. |
| CLO5 | Rèn luyện kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp thông tin, văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về đấu thầu. |
| CLO6 | Vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý về đấu thầu phát sinh trong thực tiễn. |
| CLO7 | Phát triển kỹ năng phân tích, so sánh, đánh giá các quy phạm pháp luật về hoạt động đấu thầu |
| CLO8 | Tham dự các buổi học đầy đủ và nghiêm túc. |

| | |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CLO9 | Tích cực, chủ động thảo luận, phát biểu trong học tập. |
| CLO10 | Hình thành, phát triển sự tự tin của sinh viên về kiến thức pháp lý và kỹ năng liên quan đến hoạt động đầu thầu |
| CLO11 | Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm liên quan đến kiến thức pháp lý về đầu thầu. |

4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):

| Chuẩn đầu ra của học phần | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 |
|---------------------------|------|------|------|----------|------|------|------|----------|------|----------|
| CLO 1 | | | | R | | | | | | |
| CLO 2 | | | | I | | | | | | |
| CLO 3 | | | | I | | | | | | |
| CLO 4 | | | | M | | | | | | |
| CLO 5 | | | | | | | | I | | |
| CLO 6 | | | | | | | | R | | |
| CLO 7 | | | | | | | | M | | |
| CLO 8 | | | | | | | | | | I |
| CLO 9 | | | | | | | | | | R |
| CLO 10 | | | | | | | | | | M |
| CLO 11 | | | | | | | | | | A |
| Tổng hợp học phần | | | | M | | | | M | | A |

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

| Thời gian | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy-học | | | | | Phương pháp giảng dạy – học tập | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | GIỜ LÊN LỚP | | | | | | |
| | | Lý thuyết | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Thực hành tại PM, PMP, DN | Tự học | | |
| Tuần 1 | <p>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐẦU THẦU</p> <p>1. Khái niệm, đặc điểm của đấu thầu.</p> <p>1.1. Khái niệm đấu thầu</p> <p>1.2. Đặc điểm của đấu thầu</p> <p>1.2. Các nguyên tắc cơ bản trong đấu thầu</p> <p>1.2.1. Nguyên tắc đảm bảo cạnh tranh</p> <p>1.2.2. Nguyên tắc đảm bảo công bằng</p> <p>1.2.3. Nguyên tắc minh bạch trong đấu thầu</p> <p>1.2.4. Nguyên tắc đảm bảo hiệu quả kinh tế</p> <p>1.3. Pháp luật điều chỉnh về đấu thầu</p> <p>1.3.1. Các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về đấu thầu</p> <p>1.3.2. Các quy định cơ bản của Luật đấu thầu</p> <p>CHƯƠNG 2: HÌNH</p> | 3 | 2 | 0 | 0 | 10 | <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Bài tập - Thảo luận | <p>Chuẩn bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc giáo trình Luật Thương mại (Tập 2) - Luật Đấu thầu năm 2013 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2016 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2022 <p>Câu hỏi chuẩn bị:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nêu khái niệm đấu thầu? 2. Phân biệt hoạt động đấu thầu sử dụng vốn nhà nước với hoạt động đấu thầu hàng hóa, dịch vụ trong thương mại? 3. Phân tích các nguyên tắc cơ bản trong đấu thầu? 4. Trình bày các hình thức lựa chọn nhà thầu? |

| Thời gian | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy-học | | | | | Phương pháp giảng dạy – học tập | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------|--------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | GIỜ LÊN LỚP | | | | | | |
| | | Lý thuyết | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Thực hành tại PM, PMP, DN | Tự học | | |
| | THỨC, PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU 2.1. Hình thức lựa chọn nhà thầu - Đấu thầu rộng rãi - Đấu thầu hạn chế - Chỉ định thầu - Chào hàng cạnh tranh - Mua sắm trực tiếp - Tự thực hiện - Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt | | | | | | | |
| Tuần 2 | CHƯƠNG 2: HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU 2.2. Phương thức lựa chọn nhà thầu - Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ - Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ | 2 | 3 | 0 | 0 | 15 | - Thuyết giảng - Bài tập - Thảo luận | Chuẩn bị: - Luật Đấu thầu năm 2013 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2016 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2022 - Nghị định 63/2014/NĐ - CP hướng dẫn Luật Đấu thầu |

| Thời gian | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy-học | | | | | Phương pháp giảng dạy – học tập | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | GIỜ LÊN LỚP | | | | | | |
| | | Lý thuyết | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Thực hành tại PM, PMP, DN | Tự học | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ - Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ 2.3. Tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp - Điều kiện của tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp - Hoạt động của tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp 2.4. Phương pháp đánh giá, xét duyệt hồ sơ dự thầu 2.4.1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu 2.4.2. Phương pháp xét duyệt hồ sơ dự thầu | | | | | | | <p>về lựa chọn nhà thầu.</p> <p>Câu hỏi chuẩn bị:</p> <p>Trình bày và phân tích các phương thức lựa chọn nhà thầu?</p> |
| Tuần 3 | <p>CHƯƠNG 3: HỢP ĐỒNG VỚI NHÀ THẦU</p> <p>3.1. Nguyên tắc chung của hợp đồng</p> <p>3.2. Các loại hợp đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng trọn gói - Hợp đồng theo đơn giá cố định | 2 | 3 | 0 | 0 | 10 | <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Bài tập - Thảo luận | <p>Chuẩn bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu năm 2013 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2016, năm 2017, năm 2019 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2022 - Nghị định 63/2014/NĐ - |

| Thời gian | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy-học | | | | | Phương pháp giảng dạy – học tập | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp |
|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | GIỜ LÊN LỚP | | | | | | |
| | | Lý thuyết | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Thực hành tại PM, PMP, DN | Tự học | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh - Hợp đồng theo thời gian 3.3. Hồ sơ hợp đồng 3.4. Điều kiện ký kết hợp đồng 3.5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng 3.6. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng 3.7. Thanh toán, thanh lý hợp đồng 3.7.1. Thanh toán hợp đồng 3.7.2. Thanh lý hợp đồng | | | | | | | <p>CP hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</p> <p>Câu hỏi chuẩn bị:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình bày các nguyên tắc chung của hợp đồng? 2. Phân biệt các loại hợp đồng? |
| Tuần 4 | <p>CHƯƠNG 4: KẾ HOẠCH VÀ QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu 4.1.1. Nguyên tắc lựa chọn lập kế hoạch nhà thầu 4.1.2. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu 4.1.3. Nội dung kế hoạch | 2 | 3 | 0 | 0 | 10 | <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Bài tập - Thảo luận | <p>Chuẩn bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu năm 2013 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2016, năm 2017, năm 2019 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2022 - Nghị định 63/2014/NĐ - CP hướng dẫn Luật Đấu thầu |

| Thời gian | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy-học | | | | | Phương pháp giảng dạy – học tập | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | GIỜ LÊN LỚP | | | | | | |
| | | Lý thuyết | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Thực hành tại PM, PMP, DN | Tự học | | |
| | <p>lựa chọn nhà thầu đối với từng gói thầu</p> <p>4.1.4. Trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.1.5. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.2.1. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế</p> | | | | | | | <p>về lựa chọn nhà thầu.</p> <p>Câu hỏi chuẩn bị:</p> <p>Nêu nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với từng gói thầu?</p> |
| Tuần 5 | <p>CHƯƠNG 4: KẾ HOẠCH VÀ QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU</p> <p>4.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu</p> <p>4.2.2. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với chỉ định thầu</p> <p>4.2.3. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với chào hàng cạnh tranh</p> | 3 | 2 | 0 | 0 | 15 | <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Bài tập - Thảo luận | <p>Chuẩn bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu năm 2013 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2016, năm 2017, năm 2019 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2022 - Nghị định 63/2014/NĐ - CP hướng dẫn Luật Đấu thầu |

| Thời gian | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy-học | | | | | Phương pháp giảng dạy – học tập | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | GIỜ LÊN LỚP | | | | | | |
| | | Lý thuyết | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Thực hành tại PM, PMP, DN | Tự học | | |
| | <p>4.2.4. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm trực tiếp</p> <p>4.2.5. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với tự thực hiện</p> <p>4.2.6. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân</p> <p>- Kiểm tra</p> | | | | | | | <p>về lựa chọn nhà thầu.</p> <p>Câu hỏi chuẩn bị:</p> <p>Trình bày quy trình lựa chọn nhà thầu đối với mỗi phương thức đấu thầu?</p> |
| Tuần 6 | <p>CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU</p> <p>5.1. Quản lý hoạt động nhà nước về đấu thầu</p> <p>5.2. Trách nhiệm của các bên trong lựa chọn nhà thầu</p> <p>5.3. Phân cấp trách nhiệm thẩm định, phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu</p> <p>5.4. Giải quyết khiếu nại trong đấu thầu</p> | 3 | 2 | 0 | 0 | 10 | <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng - Bài tập - Thảo luận | <p>Chuẩn bị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu năm 2013 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2016, năm 2017, năm 2019 - Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2022 - Nghị định 63/2014/NĐ - CP hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. <p>Câu hỏi chuẩn bị:</p> |

| Thời gian | Nội dung | Hình thức tổ chức dạy-học | | | | | Phương pháp giảng dạy – học tập | Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp |
|-----------|--------------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------|--------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| | | GIỜ LÊN LỚP | | | | | | |
| | | Lý thuyết | Thực hành tích hợp | Nghiên cứu tình huống và thảo luận | Thực hành tại PM, PMP, DN | Tự học | | |
| | 5.5. Xử lý vi phạm trong đấu thầu - Ôn tập | | | | | | | 1. Nêu quy trình giải quyết kiến nghị? 2. Trình bày các hình thức xử lý? |

6. HỌC LIỆU:

6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

[1] Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam - Tập 2 (Tái bản lần 6, có sửa đổi và bổ sung), Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2022.

[2] Luật Đấu thầu năm 2013 (Có hiệu lực từ ngày 01/7/2014).

[3] Luật sửa đổi Luật Đấu thầu năm 2016, năm 2017, năm 2019, năm 2022.

[4] Nghị định số 63/2014/NĐ - CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

[5] Giáo trình đấu thầu, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2018.

[6] Nguyễn Quang Duệ - Đào Thị Thu Trang, Nghiệp vụ đấu thầu, năm 2019.

7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

7.1 Đánh giá quá trình: trọng số 40% trong điểm học phần

| TT | PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ | MÔ TẢ | CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ | CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------|
| 1 | Chuyên cần | - Đánh giá thái độ tích cực của sinh viên đối với học phần. - Đánh giá năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm cá nhân về kiến thức, kỹ năng thực hành chuyên môn nghề nghiệp. | CLO8 CLO10 CLO11 | 5% |
| 2 | Thảo luận: Trong quá trình học sẽ có các câu hỏi và các bài tập vận dụng, giảng viên sẽ gọi lần lượt sinh | Đánh giá được mức độ tiếp thu và vận dụng kiến thức của mỗi sinh viên | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 | 5% |

| | | | | |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------|
| | viên lên trả lời hoặc lên bảng giải bài tập. | | CLO7 CLO9 | |
| 3 | Bài tập nhóm: Giảng viên dựa vào sĩ số lớp sẽ chia thành các nhóm, mỗi nhóm từ 3 -5 sinh viên. Bài tập nhóm có thể là các chủ đề cho sinh viên chuẩn bị trước và sẽ thuyết trình tại lớp hoặc các câu hỏi, bài tập tình huống, bài tập thực hành để sinh viên thảo luận, thực hành theo nhóm và trình bày kết quả đã thảo luận, thực hành. | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức về đấu thầu. - Đánh giá được kỹ năng vận dụng được các kiến thức giải quyết bài tập. - Đánh giá được kỹ năng tư pháp lý, tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. - Đánh giá tinh thần chủ động, tích cực của sinh viên trong việc tìm kiếm thông tin, kiến thức liên quan đến học phần. | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO9 CLO10 CLO11 | 30% |
| 4 | Kiểm tra giữa kỳ: Kiểm tra giữa kì 45 phút bằng hình thức tự luận gồm 1 - 2 câu hỏi lý thuyết và 1 bài tập tình huống. Nội dung từ chương 1 đến chương 4. | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá khả năng nắm vững kiến thức pháp luật về đấu thầu. - Đánh giá khả năng trình bày các bước, các nguyên tắc của quy trình đàm phán, soạn thảo hợp đồng. - Đánh giá kỹ năng vận dụng các quy phạm pháp luật về đấu thầu để giải quyết tình huống thực tiễn. | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 | 60% |
| TỔNG | | | | 100% |

7.2 Đánh giá kết thúc học phần: trọng số 60% trong điểm học phần

| PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ | MÔ TẢ | CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ | CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|
| BÀI THI TỰ LUẬN (LÝ THUYẾT + BÀI TẬP TÌNH HUỐNG) Bài thi có thời gian làm bài là 60 phút, bao gồm câu hỏi lý | Đánh giá về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kiến thức tổng quan về đấu thầu. - Đánh giá mức độ trình bày, hiểu, phân tích các quy phạm pháp luật về hoạt động đấu thầu. | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 | 50% |
| | Đánh giá về kỹ năng: | CLO5 CLO6 | 40% |

| | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------|
| thuyết và bài tập tình huống. + <i>Câu hỏi lý thuyết:</i> (6 điểm) 2 - 3 câu hỏi liên quan đến nội dung lý thuyết từ chương 1 đến chương 5. + <i>Bài tập tình huống:</i> (4 điểm) 1 - 2 tình huống liên quan đến hoạt động đấu thầu. | - Đánh giá kỹ trình bày, phân tích, lập luận các vấn đề pháp lý về đấu thầu. - Đánh giá kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết tình huống. | CLO7 | |
| | Đánh giá về mức tự chủ tự chịu trách nhiệm: Đánh giá tính tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức và kỹ năng được học và kỹ năng vận dụng những kiến thức để giải quyết vấn đề mà tình huống thực tiễn nêu ra. | CLO8 CLO9 CLO10 CLO11 CLO12 | 10% |
| TỔNG | | | 100% |

8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

8.1 Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên vắng buổi học nào có hoạt động nhóm thì không tính điểm hoạt động nhóm.

8.2 Quy định về hành vi lớp học

Sinh viên phải tham dự lớp học đúng giờ, sinh viên giữ trật tự, vệ sinh lớp học, không làm việc riêng, không ngủ trong suốt buổi học.

8.3 Quy định về học vụ

- Giảng viên và sinh viên thực hiện theo lịch dạy và học của Phòng Đào tạo.
- Giảng viên thực hiện hoạt động dạy và học theo sự phân công của Bộ môn.

9. HOLISTIC RUBRIC:

9.1. Rubric đánh giá điểm chuyên cần và tham gia thảo luận/trả lời trên lớp

| Tiêu chí | CĐR | Tỷ lệ | Mức chất lượng | | | |
|----------------------------------------------------------|------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | Không đạt | Đạt | Tốt | Rất tốt |
| | | | 0 - 4.9 | 5.0 - 6.9 | 7.0 - 8.4 | 8.5 - 10 |
| Số buổi dự học (đủ tiết/buổi) theo thời khóa biểu | CLO8 | 50% | Tham dự < 70% số buổi học | Tham dự từ 70% đến < 80% số buổi học | Tham dự từ 80% đến < 90% số buổi học | Tham dự từ 90% số buổi học trở lên. |
| Sự chủ động, tích cực tham gia thảo luận/trả lời câu hỏi | CLO9 CLO10 CLO11 | 50% | Không tham gia thảo luận/trả lời đúng dưới 50% các câu hỏi về nội dung bài học. | Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% các câu hỏi về nội dung bài học. | Có tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% các câu hỏi về nội dung bài học. | Nhiệt tình tham gia thảo luận và trả lời đúng từ 85% đến 100% các câu hỏi về nội dung bài học. |

9.2. Rubric đánh giá kết quả làm việc nhóm

| Tiêu chí | CĐR | Tỷ lệ | Mức chất lượng | | | |
|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| | | | Không đạt | Đạt | Tốt | Rất tốt |
| | | | 0 – 4.9 | 5.0 – 6.9 | 7.0 – 8.4 | 8.5 – 10 |
| Tổ chức và phối hợp tham gia thực hiện của các thành viên trong nhóm | CLO8 CLO9 | 15% | < 40% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm | Từ 40% đến 60% số lượng thành viên trở lên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm | Từ 60% đến 80% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm | Từ 80% đến 100% thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ nhóm |
| Hình thức bài báo cáo kết quả làm việc nhóm | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 | 10% | Sơ sài, không đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), font chữ không đồng bộ, nhiều lỗi chính tả. | Các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) chưa rõ, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả. | Đầy đủ các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận) rõ ràng, font chữ đúng quy định, còn lỗi chính tả. | Đẹp, rõ ràng các bộ cục (mở đầu, nội dung chính, kết luận), không lỗi chính tả |
| Kỹ năng trình bày trước đám đông | CLO10 CLO11 | 15% | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu với người nghe | Nói nhỏ, có giao lưu với người nghe, nhưng không tự tin. | Trình bày rõ ràng ở mức tốt, có phong cách tự tin khi giao lưu nhưng chưa xuất sắc. | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu với người nghe. |
| Tương tác/trả lời câu hỏi | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 | 30% | Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi được đặt ra. | Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% số câu hỏi được đặt ra. | Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% số câu hỏi được đặt ra. | Trả lời đúng từ 85% đến 100% số câu hỏi được đặt ra. |
| Nội dung Bài báo cáo kết quả làm việc nhóm | CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 | 30% | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung. | Đáp ứng từ 50% đến dưới 70% yêu cầu về nội dung. | Đáp ứng từ 70% đến dưới 80% yêu cầu về nội dung. | Đáp ứng từ 80% đến 100% yêu cầu về nội dung. |

9.3. Rubric đánh giá bài thi quá trình, bài thi cuối kỳ tự luận

| Tiêu chí | CĐR | Cấu trúc điểm | Mức chất lượng | | | |
|----------|-----|---------------|----------------|-----|-----|---------|
| | | | Không đạt | Đạt | Tốt | Rất tốt |

| | | thành phần | 0 – 4.9 | 5.0 – 6.9 | 7.0 – 8.4 | 8.5 – 10 |
|--------------|------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Mức cơ bản | CLO1 CLO2 CLO3 CLO9 CLO10 CLO11 | 60% | Trả lời đúng dưới 50% nội dung yêu cầu trong bài thi. | Trả lời đúng từ 50% đến dưới 70% nội dung yêu cầu trong bài thi. | Trả lời đúng từ 70% đến dưới 85% nội dung yêu cầu trong bài thi. | Trả lời đúng từ 85% đến 100% nội dung yêu cầu trong bài thi. |
| Mức nâng cao | CLO 4, 5,6,7,8,9,10,11,12 | 40% | | | | |

9.4. Rubric đánh giá kết quả chuẩn đầu ra học phần

| Chuẩn đầu ra môn học | Tỷ lệ | Mới bắt đầu | Biết sơ sài | Hiểu sơ bộ | Hiểu căn kẽ | Hiểu sâu |
|----------------------|-------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | 0 - 3.4 | 3.5 - 4.9 | 5.0 - 6.9 | 7.0-8.4 | 8.5-10 |
| CLO1 | 5% | Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc | Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận | Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng | Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng | Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới |
| CLO2 | 10% | | | | | |
| CLO3 | 10% | | | | | |
| CLO4 | 15% | | | | | |
| CLO5 | 5% | | | | | |
| CLO6 | 15% | | | | | |
| CLO7 | 20% | | | | | |
| CLO9 | 5% | | | | | |
| CLO10 | 5% | | | | | |
| CLO11 | 10% | | | | | |
| Tổng điểm | 100% | | | | | |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2022

Hiệu trưởng ✓

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

(Signature)

(Signature)

(Signature)

(Signature)

Tô Thị Đông Hà

TS. Nguyễn Văn Hiến